TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 215/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần S; trụ sở: 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Thanh Q, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/3/2023), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1982; thường trú: C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Thanh Q trình bày:

Ngày 18/9/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt Ngân hàng S1) và bà Phạm Thị Thu N ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng S1 đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử

dụng là 40.000.000 đồng, các bên phải chịu sự ràng buộc thực hiện bởi các điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1 và phải chịu trách nhiệm đối với các phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1 có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, mức lãi suất, phí và cách tính lãi, phí được quy định chi tiết tại thông báo 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng S1, mục đích sử dụng thẻ tiêu dùng.

Theo bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng S1 cung cấp, bà N đã sử dụng số tiền được cấp và cũng đã thanh toán cho Ngân hàng S1. Tuy nhiên việc thanh toán của bà N không đầy đủ. Đến ngày 05/01/2021, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí nên Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1. Tính đến ngày 22/8/2023 bà N còn nợ Ngân hàng S1 tổng cộng số tiền: 106.588.592 đồng, trong đó nợ gốc 46.606.472 đồng và lãi quá hạn 59.982.120 đồng.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Phạm Thị Thu N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến 22/8/2023 tổng cộng số tiền: 106.588.592 đồng, trong đó nợ gốc 46.606.472 đồng và lãi quá hạn 59.982.120 đồng, tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 23/8/2023 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/9/2014 cho đến khi bà N thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng S1.

- *Về phía bị đơn bà Phạm Thị Thu N*:

Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo buổi làm việc để tham gia đối chất, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời yêu cầu bà N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 nhưng bà N không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do Ngân hàng S1 cung cấp.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thu N có địa chỉ tại C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền còn nợ phát sinh từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo kết quả xác minh ngày 25/5/2023 của Tòa án tại Công an phường D, thành phố D xác định bị đơn bà Phạm Thị Thu N có đăng ký thường trú tại: C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không trình báo nên chính quyền địa phương không biết hiện bà N cư trú tại đâu. Đồng thời nguyên đơn cũng không biết địa chỉ hiện nay bà N đang sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bà N đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án triệu tập bà N tham gia phiên tòa vào ngày 14 tháng 8 năm 2023 và ngày 22 tháng 8 năm 2023 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, bị đơn phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Thanh Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/9/2014 được giao kết giữa Ngân hàng S1 với bà Phạm Thị Thu N thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N không thanh toán tiền nợ gốc, lãi, phí kể từ ngày 05/01/2021. Do, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi và các khoản phí theo thỏa thuận, Ngân hàng S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ và

chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Phạm Thị Thu N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến 22/8/2023 tổng cộng số tiền: 106.588.592 đồng, trong đó nợ gốc 46.606.472 đồng và lãi quá hạn 59.982.120 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 23/8/2023 cho đến khi bà Phạm Thị Thu N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/9/2014.

[7] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[8] Về chi phí đăng thông báo: Nguyên đơn chịu số tiền 2.164.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Phạm Thị Thu N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Phạm Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số nợ phát sinh từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/9/2014 tính đến ngày 22/8/2023 tổng số tiền 106.588.592 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm chín mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 46.606.472 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng) và lãi quá hạn 59.982.120 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng).

- Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 23/8/2023 cho đến khi bà Phạm Thị Thu N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/9/2014.

2. Về chi phí đăng thông báo: Ngân hàng thương mại cổ phần S chịu số tiền 2.164.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), được khấu trừ số tiền đã nộp.

3. Về án phí: bà Phạm Thị Thu N chịu 5.329.430 đồng (Năm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 1.828.120 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006418 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng